

| | | |
|--|--|-----------------------------|
| SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG | QUY TRÌNH Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật | Mã hiệu: QT-01/BTXH |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 09/9/2022 |

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| | | | |
|-------------|---|--|---|
| Trách nhiệm | Soạn thảo | Xem xét | Phê duyệt |
| Họ tên | Trần Văn Công | Trịnh Thị Huyền | Hà Minh Trung |
| Chữ ký |  |  |  |
| Chức vụ | Chuyên viên | Trưởng phòng | Phó Giám đốc |



| | | |
|--|--|-----------------------------|
| SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG | QUY TRÌNH Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật | Mã hiệu: QT-01/BTXH |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 09/9/2022 |

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự, trách nhiệm và phương pháp tiếp nhận, xử lý hồ sơ liên quan thủ tục Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.

Công chức thuộc phòng chuyên môn được phân cấp quản lý, bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và các phòng có liên quan thuộc Sở LĐ-TB&XH chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.8

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- TTHC: Thủ tục hành chính
- PBTXH: Phòng Bảo trợ xã hội
- LĐ-TB&XH: Lao động – thương binh và xã hội
- TN&TKQ: Tiếp nhận và trả kết quả

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

| | | | |
|------------|---|------------------|----------------|
| 5.1 | Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính | | |
| | Không | | |
| 5.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| | Văn bản đề nghị của cơ sở sản xuất, kinh doanh trong đó nêu rõ tổng số lao động hiện có, số lao động là người khuyết tật; | x | |
| | Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy phép hoạt động của cơ sở; | | x |
| | Danh sách lao động là người khuyết tật và bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật có trong danh sách; | x | |

| | | |
|--|--|-----------------------------|
| SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG | QUY TRÌNH Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật | Mã hiệu: QT-01/BTXH |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 09/9/2022 |

| | | | | |
|------------|--|------------------------|----------------|-------------------------------|
| | Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của lao động là người khuyết tật đang làm việc. | | | x |
| 5.3 | Số lượng hồ sơ | | | |
| | 01 bộ. | | | |
| 5.4 | Thời gian xử lý | | | |
| | - 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | | | |
| 5.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | | |
| | <u>Cách 1</u> : Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một) <u>Cách 2</u> : Nộp hồ sơ trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một) <u>Cách 3</u> : Nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến Internet http://www.dichvucong.binhduong.gov.vn | | | |
| 5.6 | Lệ phí | | | |
| | Không | | | |
| 5.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | TCCD chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại mục 5.2 về Bộ phận Tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở LĐTB&XH (nộp trực tiếp) | TCCD | Khi có nhu cầu | Thành phần hồ sơ theo mục 5.2 |
| B2 | Công chức Sở LĐTB&XH tiếp nhận hồ sơ của tổ chức có trách | Công chức bộ phận tiếp | Giờ hành chính | - Thành phần hồ sơ theo mục |

| | | |
|--|--|-----------------------------|
| SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG | QUY TRÌNH Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật | Mã hiệu: QT-01/BTXH |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 09/9/2022 |

| | | | | |
|----|---|-----------------------------------|---------|---|
| | <p>nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định theo mẫu BM 02;</p> <p>b) Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: Công chức phải nêu rõ lý do theo mẫu BM 03;</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định: công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả theo mẫu BM 01 trao cho người nộp hồ sơ.</p> <p><i>Việc tiếp nhận và phân hồi tới TCCD theo các hình thức tương ứng quy định tại bước 1</i></p> | nhận và trả kết quả | | <p>5.2</p> <p>- BM 01</p> <p>- BM 02</p> <p>- BM 03</p> |
| B3 | Phân công thụ lý: Sở LĐTB&XH phân công cán bộ thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng | ½ ngày | <p>- BM 05</p> <p>- Hồ sơ theo mục 5.2</p> |
| B4 | <p>Thụ lý hồ sơ: Công chức được giao phân công thụ lý tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ theo quy định:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung: Công chức thụ lý có văn bản đề nghị tổ chức nộp bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do theo mẫu BM 02</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ đảm bảo theo quy định</p> <p>Tiếp hành bước tiếp theo</p> | Công chức thụ lý hồ sơ | 05 ngày | <p>- BM 05</p> <p>- BM 01</p> <p>- BM 02 (nếu có)</p> <p>- Hồ sơ theo mục 5.2</p> |
| B5 | <p>Tổng hợp, dự thảo kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp</p> | Công chức thụ lý phòng chuyên môn | | <p>- BM 05</p> <p>- BM 01</p> <p>- Hồ sơ theo</p> |

| | | |
|--|--|-----------------------------|
| SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG | QUY TRÌNH Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật | Mã hiệu: QT-01/BTXH |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 09/9/2022 |

| | | | | |
|----|---|---------------------------|---------|---|
| | lý, dự thảo tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết TTHC | | | mục 5.2 - Dự thảo tờ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC |
| B6 | Lãnh đạo phòng xem xét, kiểm tra hồ sơ: - Nếu đồng ý: Ký nháy tờ trình, ký nháy kết quả giải quyết TTHC - Nếu không đồng ý: Chuyển lại công chức thụ lý, nêu rõ lý do | Lãnh đạo phòng chuyên môn | 02 ngày | - Hồ sơ theo mục 5.2 - BM 05 Dự thảo tờ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC |
| B7 | Lãnh đạo Sở kiểm tra lại hồ sơ: - Nếu đồng ý: phê duyệt Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật không xác định thời hạn. Tuy nhiên, khi cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng không đủ từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật thì đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm phải báo cáo kịp thời và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định ngay việc ngừng công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật - Nếu không đồng ý: Chuyển hồ sơ lại cho phòng chuyên môn, nêu rõ lý do | Lãnh đạo Sở LĐ-TB&XH | 02 ngày | Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật không xác định thời hạn. Tuy nhiên, khi cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng không đủ từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật thì đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm phải báo |

| | | |
|--|--|-----------------------------|
| SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG | QUY TRÌNH Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật | Mã hiệu: QT-01/BTXH |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 09/9/2022 |

| | | | | |
|------------|---|------------------|-------------------------|--|
| | | | | cáo kịp thời và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định ngay việc ngừng công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật. |
| B8 | Tiếp nhận kết quả, văn thư Sở cho số, đóng dấu, nhân bản (nếu cần) | Văn thư Sở | ½ ngày | Kết quả TTTC |
| B9 | Tiếp nhận kết quả từ bộ phận TN&TKQ thông báo và trả kết quả cho tổ chức theo giấy hẹn Đề nghị tổ chức ký nhận vào sổ theo dõi hồ sơ theo mẫu BM 06 | - Bộ phận TN&TKQ | Thời gian theo giấy hẹn | Kết quả TTTC BM 06 |
| 5.8 | Cơ sở pháp lý | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. | | | |

| | | |
|--|--|-----------------------------|
| SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG | QUY TRÌNH Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật | Mã hiệu: QT-01/BTXH |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: 09/9/2022 |

6. BIỂU MẪU

| TT | Tên Biểu mẫu |
|----|--|
| 1. | Hệ thống biểu mẫu theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018: * Mẫu số 01 – Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả * Mẫu số 02 – Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ * Mẫu số 03 – Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ * Mẫu số 04 – Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả * Mẫu số 05 – Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ * Mẫu số 06 – Sổ theo dõi hồ sơ |

7. HỒ SƠ LƯU: Hồ sơ lưu bao gồm các thành phần sau

| TT | Hồ sơ lưu (bản chính hoặc bản sao theo quy định) |
|----|---|
| 1. | Thành phần hồ sơ theo mục 5.2 |
| 2. | Kết quả giải quyết thủ tục hành chính Các văn bản khác (nếu có trong quá trình giải quyết thủ tục) |
| 3. | Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 |

Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn (mục 1 và 2). Các mẫu theo cơ chế một cửa quy định tại thông tư 01/2018/TT-VPCP lưu trữ tại bộ phận TN&TKQ